

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM

1. Chỉ số giá tiêu dùng tăng do giá dầu tăng nhưng vẫn ở mức kiểm soát
2. Môi trường kinh doanh cải thiện, doanh nghiệp bất động sản thành lập mới tăng mạnh
3. Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước
4. Tiến độ thu Ngân sách thấp hơn cùng kỳ, Ngân sách thâm hụt hơn 171,9 nghìn tỷ đồng
5. Các cân đối về tiền tệ cơ bản ổn định và đúng định hướng, tín dụng tiếp tục tăng trưởng đáp ứng nhu cầu vốn của nền kinh tế
6. Xuất khẩu hàng hóa tiếp tục tăng trưởng nhưng tốc độ thấp hơn cùng kỳ, 11 tháng cả nước xuất siêu 2,85 tỷ USD
7. Sản xuất công nghiệp tháng 11 có chuyển biến tốt, công nghiệp chế biến vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng cao hơn cùng kỳ năm trước.

II. TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI

1. Kinh tế thế giới tăng trưởng thấp, các yếu tố gây rủi ro và bất trắc gia tăng
2. Kết quả bầu cử Tổng thống Mỹ tác động khó lường tới kinh tế và thương mại toàn cầu.
3. Đầu tư và thương mại toàn cầu suy yếu, xu hướng bảo hộ gia tăng

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM

1. Chỉ số giá tiêu dùng tăng do giá dầu tăng nhưng vẫn ở mức kiểm soát

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 11/2016 tăng 0,48% so với tháng trước, tăng 4,5% so với tháng 12/2015 và tăng 4,52% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 11 tháng tăng 2,47% so với bình quân cùng kỳ năm 2015.

Lạm phát cơ bản tháng 11/2016 tăng 0,1% so với tháng trước và tăng 1,87% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân 11 tháng tăng 1,82% so với bình quân cùng kỳ năm 2015.

Nguyên nhân làm tăng CPI tháng 11 chủ yếu do :

- Nhóm giao thông tăng 1,63% do giá xăng, dầu được điều chỉnh tăng 3 lần vào các thời điểm 20/10/2016, 04/11/2016 và 19/11/2016
- Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,9% (trong đó, dịch vụ y tế tăng 1,15%);
- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,49% (trong đó, lương thực tăng 0,22%); thực phẩm tăng 0,71%;
- Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 0,49% (do giá gas và giá dầu hỏa điều chỉnh tăng đầu tháng 11/2016).

2. Môi trường kinh doanh cải thiện, doanh nghiệp bất động sản thành lập mới tăng mạnh

Tính chung 11 tháng, cả nước có 101.683 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 797.686 tỷ đồng, so với cùng kỳ năm trước: tăng 17,1% về số doanh nghiệp và tăng 48,1% số vốn đăng ký; vốn đăng ký bình quân 01 doanh nghiệp đạt 7,8 tỷ đồng, tăng 26,5% so với cùng kỳ. Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong 11 tháng là 24.560 doanh nghiệp, tăng 31,7% so với cùng kỳ năm 2015 (cùng kỳ tăng 31,2%).

Số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới 11 tháng năm nay ở hầu hết các ngành, lĩnh vực đều tăng so với cùng kỳ năm trước, trong đó một số ngành tăng mạnh cả về số doanh nghiệp và số vốn đăng ký: Kinh doanh bất động sản tăng 95,6% về số doanh nghiệp và tăng 221,2% về vốn đăng ký; thông tin và truyền thông tăng 13,8% và tăng 144,3%; tài chính ngân hàng và bảo hiểm tăng 28,4% và tăng 91,8%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 22,6% và tăng 86,1%; hoạt động dịch vụ khác tăng 41,6% và tăng 84,9%...

Có 18.901 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn tăng 27,3% so với cùng kỳ năm trước. Số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động không đăng ký hoặc chờ giải thể là 35.145, giảm 26,6% so với cùng kỳ năm trước.

3. Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước

Trong 11 tháng đầu năm 2016, tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đăng ký ước đạt 18,103 tỷ USD, bằng 89,5% so với cùng kỳ; trong đó: vốn đăng ký cấp mới đạt 13,028 tỷ USD, giảm 3,9%; vốn đăng ký tăng thêm đạt 5,075 tỷ USD, giảm 23,9%. Có 2.240 dự án cấp mới và 1075 lượt dự án tăng vốn. Tổng vốn thực hiện 11 tháng ước đạt 14,3 tỷ USD, tăng 8,3% so với cùng kỳ năm trước.

Nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào 19 ngành, lĩnh vực, trong đó lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo là lĩnh vực thu hút được nhiều sự quan tâm nhất với 907 dự án đầu tư đăng ký mới và 766 lượt dự án điều chỉnh vốn, tổng số vốn cấp mới và tăng thêm là 13,41 tỷ USD, chiếm 74,1% tổng số vốn đăng ký.

Có 68 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư tại Việt Nam. Hàn Quốc dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đăng ký cấp mới và tăng thêm là 5,29 tỷ USD, chiếm 29,2% tổng vốn đầu tư vào Việt Nam; Singapore đứng ở vị trí thứ 2 với tổng vốn đầu tư đăng ký cấp mới và tăng thêm là 2,05 tỷ USD, chiếm 11,3% tổng vốn đầu tư vào Việt Nam.

4. Tiến độ thu Ngân sách thấp hơn cùng kỳ, Ngân sách thâm hụt hơn 171,9 nghìn tỷ đồng

Tổng thu ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/11/2016 ước tính đạt 852,8 nghìn tỷ đồng, bằng 84,1% dự toán năm (cùng kỳ đạt 88,6% dự toán), trong đó: Thu nội địa đạt 683,5 nghìn tỷ đồng, bằng 87,1%; Thu từ dầu thô đạt 34,5 nghìn tỷ đồng, bằng 63,4%; Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu đạt 131,3 nghìn tỷ đồng, bằng 76,3%.

Thu ngân sách của các địa phương ước đạt 98% dự toán (không kể tiền sử dụng đất thì đạt 92% dự toán). Thu ngân sách trung ương tính đến ngày 15/11/2016 đạt 74,2% dự toán (cùng kỳ năm 2015 đạt 79,1% dự toán), trong đó mới thực hiện thu vào NSNN được 10 nghìn tỷ đồng trong tổng số 30 nghìn tỷ đồng tiền bán cổ phần sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp theo dự toán Quốc hội quyết định.

Tổng chi ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/11/2016 ước tính đạt 1024,7 nghìn tỷ đồng, bằng 80,5% dự toán năm, trong đó: Chi đầu tư phát triển đạt 167,7 nghìn tỷ đồng, bằng 65,8%; Chi phát triển sự nghiệp kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý hành chính đạt 713,9 nghìn tỷ đồng, bằng 86,6%; Chi trả nợ và viện trợ đạt 136 nghìn tỷ đồng, bằng 87,7%.

5. Các cân đối về tiền tệ cơ bản ổn định và đúng định hướng, tín dụng tiếp tục tăng trưởng đáp ứng nhu cầu vốn của nền kinh tế

Thị trường tiền tệ và hoạt động ngân hàng diễn biến tích cực. Các chỉ tiêu tiền tệ tăng trưởng phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, tiền tệ. Đến ngày 22/11/2016, tổng phương tiện thanh toán tăng

14,92% so với cuối năm 2015 (cùng kỳ tăng 11,89%); huy động vốn tăng 15,46% (cùng kỳ tăng 11,96%). Tín dụng đối với nền kinh tế tăng 14,03%.

Mặt bằng lãi suất về cơ bản diễn biến ổn định, từ cuối tháng 9/2016, một số tổ chức tín dụng lớn điều chỉnh giảm lãi suất huy động khoảng 0,3-0,5%/năm, giảm khoảng 0,5-1%/năm lãi suất cho vay đối với các lĩnh vực ưu tiên, sản xuất kinh doanh.

Từ đầu tháng 11/2016, tỷ giá tăng nhanh chủ yếu do yếu tố tâm lý trước bối cảnh đồng USD thế giới tăng mạnh so với các đồng tiền khác sau khi ông Donald Trump đắc cử Tổng thống Mỹ và có các quan điểm chính sách được thị trường kỳ vọng sẽ kích thích kinh tế tăng trưởng và lạm phát của Mỹ tăng nhanh, kỳ vọng Fed sớm tăng lãi suất. Tuy nhiên, thanh khoản thị trường vẫn đảm bảo, các nhu cầu ngoại tệ hợp pháp của tổ chức, cá nhân được các TCTD đáp ứng kịp thời và đầy đủ. Thị trường vàng diễn biến ổn định và tự điều tiết tốt.

6. Xuất khẩu hàng hóa tiếp tục tăng trưởng nhưng tốc độ thấp hơn cùng kỳ, 11 tháng cả nước xuất siêu 2,85 tỷ USD

Kim ngạch xuất khẩu tháng 11 ước đạt 15,6 tỷ USD, tăng 1,3% so với tháng trước. Tổng kim ngạch xuất khẩu 11 tháng ước đạt 159,5 tỷ USD, tăng 7,5% so với cùng kỳ năm 2015 (cùng kỳ tăng 8,3%). Kim ngạch xuất khẩu 11 tháng tăng thấp hơn so cùng kỳ chủ yếu do giảm về lượng và giá xuất khẩu dầu thô và các mặt hàng khoáng sản khác.

Thị trường xuất khẩu 11 tháng, ước xuất khẩu vào thị trường Mỹ tăng 14% và chiếm tỷ trọng khoảng 21,7% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước; xuất khẩu vào EU tăng 8,3% và chiếm 19,1%; xuất khẩu vào ASEAN giảm 6,4% và chiếm khoảng 9,9%; xuất khẩu vào Nhật Bản tăng 2,9% và chiếm 8,3%; xuất khẩu vào Trung Quốc tăng 26,7% và chiếm khoảng 12,2%.

Nhóm hàng xuất khẩu

- **Nhóm hàng công nghiệp chế biến** 11 tháng xuất khẩu tăng trưởng khoảng 9,3% so với cùng kỳ năm 2015 (cùng kỳ tăng 16,5%). Nguyên nhân chủ yếu là do một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực của nhóm này như dệt may, da giày, linh kiện điện tử, điện thoại và linh kiện có tốc độ tăng trưởng thấp hơn so với cùng kỳ năm 2015.

- **Nhóm hàng nông lâm thủy sản** tăng 7,7% so với cùng kỳ năm 2015. Đây là một tín hiệu tương đối khả quan so với sự sụt giảm khoảng 7,6% trong 11 tháng đầu năm 2015 của nhóm hàng này. Đạt được tốc độ tăng này là nhờ sự phục hồi xuất khẩu một số mặt hàng chủ yếu, như: rau quả (tăng 30,2% về giá), hạt điều (tăng 6,7% lượng và 18,8% về giá), thủy sản (tăng 7,5% về giá), cà phê (tăng 37,7% về lượng và 25,9% về giá) và hạt tiêu (tăng 37,9% về lượng và tăng 16% về giá).

- Nhóm hàng nhiên liệu khoáng sản giảm 32,8%, chủ yếu do sự sụt giảm kim ngạch xuất khẩu dầu thô (đạt 2,1 tỷ USD, giảm 39,7% về giá trị và giảm 25,1% về lượng).

Tổng kim ngạch nhập khẩu tháng 11 ước đạt 16 tỷ USD, tăng 1% so với tháng trước. Tổng kim ngạch nhập khẩu 11 tháng ước đạt 156,6 tỷ USD, tăng 3,5% so với cùng kỳ năm 2015 (cùng kỳ tăng 13,7%). Kim ngạch nhập khẩu các tháng cuối năm có sự tăng nhẹ, đảm bảo hoạt động sản xuất hàng xuất khẩu và nhu cầu tiêu dùng trong nước chuẩn bị cho dịp cuối năm và Tết Nguyên đán.

Về thị trường nhập khẩu: nhập khẩu từ Châu Á chiếm gần 80% tổng kim ngạch nhập khẩu của cả nước. Các thị trường nhập khẩu chủ yếu là Trung Quốc (kim ngạch nhập khẩu từ thị trường này giảm 1% so với cùng kỳ năm 2015, tỷ trọng ước đạt 28,5%), ASEAN (giảm 1,9%, tỷ trọng 13,5%), Hàn Quốc (tăng 13,2%, chiếm tỷ trọng 18,4%), Nhật Bản (tăng 3,5%, chiếm tỷ trọng 8,7%) và EU (tăng 7%, chiếm tỷ trọng 6,4%).

Kim ngạch nhập khẩu một số mặt hàng công nghiệp: Linh kiện phụ tùng ô tô tăng 18,1% về giá trị; Máy tính và linh kiện điện tử tăng 18,9% về giá trị; xe máy và linh kiện phụ tùng đạt 18,1% so với cùng kỳ 2015. Một số mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu giảm so với cùng kỳ: điện thoại các loại và linh kiện giảm 3,5%; máy móc, thiết bị phụ tùng giảm 0,2%; ô tô nguyên chiếc các loại giảm 12,9% về lượng; phương tiện vận tải khác và phụ tùng giảm 32,3%.

Cán cân thương mại: Trong 11 tháng, cả nước xuất siêu 2,85 tỷ USD, chiếm 1,78% tổng kim ngạch xuất khẩu, trong đó: khu vực FDI (không kể dầu thô) xuất siêu 19,15 tỷ USD; nếu kể cả dầu thô, khu vực FDI xuất siêu khoảng 21,25 tỷ USD. Nhập siêu của khu vực doanh nghiệp trong nước ước đạt 18,4 tỷ USD.

7. Sản xuất công nghiệp tháng 11 có chuyển biến tốt, công nghiệp chế biến vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng cao hơn cùng kỳ năm trước.

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 11 ước tăng 7,2% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn mức tăng 6,5% của tháng trước. Tính chung 11 tháng, IIP tăng 7,3% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng 9,9% của cùng kỳ năm 2015, trong đó:

- Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 11%, đóng góp 7,7 điểm phần trăm vào mức tăng chung;
- Ngành sản xuất, phân phối điện tăng 12,3%, đóng góp 0,8 điểm phần trăm;
- Ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 7%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm;
- Ngành khai khoáng tiếp tục giảm sâu với mức giảm 6,3%, làm giảm 1,3 điểm phần trăm của mức tăng chung.

Tình hình phát triển của một số ngành công nghiệp chủ yếu:

- Ngành dầu khí: Tính chung 11 tháng, tổng sản lượng khai thác dầu quy đổi trong nước ước đạt 23,5 triệu tấn (trong đó: dầu mỏ thô khai thác trong nước đạt 13,94 triệu tấn giảm 10%). Xuất khẩu dầu thô khoảng 6,25 triệu tấn giảm 25,1% so với cùng kỳ. Tính chung 11 tháng, giá dầu thô bình quân ở mức 43,5 USD/thùng. Ước giá dầu Brent bình quân năm 2016 khoảng 44 USD/thùng. Sản lượng xăng dầu các loại ước đạt 6,25 triệu tấn, giảm 1,5% so với cùng kỳ năm 2015.
- Ngành điện: Sản xuất điện tiếp tục tăng trưởng khá so với cùng kỳ. Điện sản xuất và mua 11 tháng ước đạt 162,58 tỷ kWh, tăng 11,5% so với cùng kỳ (trong đó điện mua Trung Quốc 1,3 tỷ kWh, giảm 16,7% so với cùng kỳ 2015). Điện thương phẩm ước đạt 146,5 tỷ kWh, tăng 11,3% so với cùng kỳ.
- Ngành than: Sản xuất than sạch 11 tháng đầu năm 2016 cả nước ước đạt 37,4 triệu tấn, giảm 0,3% so với cùng kỳ. Sản lượng than nhập khẩu khoảng 12 triệu tấn, tăng 6,65 triệu tấn so với cùng kỳ năm 2015, điều này đã ảnh hưởng đến việc tiêu thụ than trong nước.
- Ngành thép: Sản xuất thép tiếp tục tăng trưởng khá cao so với cùng kỳ, sản lượng sắt thép thô ước đạt 4,65 triệu tấn, tăng 20,2%; thép cán đạt 4,8 triệu tấn, tăng 25,9%; thép thanh, thép góc đạt 4,2 triệu tấn tăng 9,4% so với cùng kỳ. Sắt thép các loại nhập khẩu khoảng 17 triệu tấn, tăng 23,4% so với cùng kỳ năm 2015.
- Ngành phân bón, hóa chất: Sản xuất phân bón 11 giảm so với cùng kỳ. Sản lượng một số loại phân bón 11 tháng năm 2016 so với cùng kỳ như sau: phân ure đạt 1,91 triệu tấn, giảm 5,5%; phân hỗn hợp (N,P,K) đạt 2,03 triệu tấn, giảm 10,5%. Trong đó, phân bón DAP và đạm của Vinachem tiêu thụ gặp nhiều khó khăn. Sản lượng phân bón các loại nhập khẩu khoảng 3,6 triệu tấn, giảm 9,1% so với cùng kỳ 2015.
- Ngành sản xuất xi măng: Ước tính sản xuất xi măng 11 tháng ước đạt 71,3 triệu tấn, tăng 14,5%. Sản lượng xi măng và clinker xuất khẩu ước đạt gần 13 triệu tấn, giảm 0,9 triệu tấn so với cùng kỳ năm 2015.
- Ngành dệt may, da giày: Tình hình sản xuất kinh doanh của ngành dệt may, da giày đang gặp nhiều khó khăn do các thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản nhu cầu sụt giảm đã ảnh hưởng tới tăng trưởng của ngành. Tính chung 11 tháng, sản lượng sản phẩm sản xuất vải dệt từ sợi tự nhiên giảm 2,2%; vải dệt từ sợi tổng hợp hoặc sợi nhân tạo tăng 6,1%; quần áo mặc thường tăng 7,1%; giày, dép da tăng 1,9%.
- Ngành sản xuất thiết bị điện tử, ô tô: Tính chung 11 tháng so với cùng kỳ năm 2015 sản lượng ô tô sản xuất tăng 21%; điện thoại di động giảm 8,2%; ti vi các loại tăng 68,2%.

II. TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI

1. Kinh tế thế giới tăng trưởng thấp, các yếu tố gây rủi ro và bất trắc gia tăng

Tháng 11/2016, các tổ chức quốc tế cơ bản vẫn giữ dự báo tăng trưởng KTTG trong năm 2016-2017, trong đó KTTG năm 2016 sẽ tăng trưởng thấp nhất kể từ sau khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008-2009 và phục hồi nhẹ vào năm 2017.

Bộ phận tình báo kinh tế (EIU) của Tạp chí Nhà kinh tế (Anh) ước tính GDP toàn cầu (theo ngang giá sức mua) năm 2016 chỉ tăng 3%, trong đó các nước phát triển tăng 1,7%, các nước đang phát triển tăng 4,0%. Năm 2017, dự báo GDP toàn cầu phục hồi với tăng trưởng 3,4%, trong đó kinh tế các nước phát triển tăng 1,7%, các nước đang phát triển tăng 4,6%.

Không chỉ tăng trưởng chậm với biểu hiện của trì trệ (thương mại, đầu tư, lạm phát và lãi suất đều rất thấp), các yếu tố rủi ro và bất trắc trong Kinh tế thế giới gần đây đang gia tăng, nhất là sau các diễn biến chính trị phức tạp về việc Anh rời EU (Brexit) và kết quả bầu cử Tổng thống Mỹ:

- Tiến trình Brexit trở nên phức tạp hơn, có khả năng sẽ kéo dài hơn, do đó, làm tăng thêm tính bất trắc đối với kinh tế Anh và toàn cầu sau khi Toà án Tối cao Anh ngày 3/11/2016 đã phán quyết việc khởi động đàm phán Brexit phải được Quốc hội Anh thông qua.
- Sự kiện ông Donald Trump đắc cử Tổng thống Mỹ với những tuyên bố chính sách cực đoan, thực dụng và khó đoán đang và sẽ có tác động khó lường đối với kinh tế Mỹ và toàn cầu trong năm 2017. Trong môi trường kinh tế thế giới có nhiều bất trắc và rủi ro, tâm lý chung của các nước và doanh nghiệp là “nghe ngóng” và “thận trọng”, do đó, có thể làm suy yếu hơn nữa đầu tư và thương mại quốc tế.

2. Kết quả bầu cử Tổng thống Mỹ tác động khó lường tới kinh tế và thương mại toàn cầu.

Việc ông Donald Trump đắc cử Tổng thống Mỹ đang dấy lên nhiều tranh luận và lo ngại các tuyên bố chính sách chính trị, kinh tế ông đưa ra trong tranh cử nếu được thực thi cũng như những phản ứng khó lường của ông sẽ tác động sâu sắc đến chính trị, kinh tế Mỹ và thế giới, sơ bộ dự báo một số tác động sau đây:

- Về tăng trưởng kinh tế, chủ trương giảm thuế, tăng đầu tư cơ sở hạ tầng nếu được thực hiện có thể giúp kinh tế Mỹ và thế giới tăng trưởng tích cực hơn trong ngắn hạn. Nhưng về lâu dài, nếu không đi cùng với cải cách cơ cấu, kích thích tài khóa sẽ làm tăng nợ công vốn đang ở mức cao, kéo theo tăng lãi suất làm suy giảm đầu tư và tiêu dùng, khiến kinh tế Mỹ có thể rơi vào trì trệ. Nhiều ý kiến lo ngại về việc tăng lãi suất của Mỹ có thể gây biến động tài chính - tiền tệ quốc tế.
- Về thương mại và đầu tư quốc tế, chủ nghĩa bảo hộ, hướng nội và thực dụng của chính quyền Trump (như xem xét rút khỏi Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương - TPP, đàm phán lại Khu

vực Thương mại tự do Bắc Mỹ-NAFTA, tăng thuế đối với nhập khẩu từ Trung Quốc...) có thể sẽ tác động mạnh đến tự do hóa thương mại và đầu tư và xa hơn là đến trật tự kinh tế thế giới.

- Với Hiệp định TPP, bất chấp nỗ lực thúc đẩy phê chuẩn của các nước thành viên, ông Trump vẫn tỏ rõ hơn ý định rút khỏi TPP trong phát biểu về chương trình nghị sự trong 100 ngày đầu tiên nhậm chức. Động thái này đã đẩy tiến trình TPP gần như bị “đóng băng”, đẩy lên nhiều lo ngại sâu sắc ở các nước thành viên TPP về tương lai bấp bênh của Hiệp định này.

3. Đầu tư và thương mại toàn cầu suy yếu, xu hướng bảo hộ gia tăng

Sau khi phục hồi mạnh năm 2015, dòng vốn đầu tư quốc tế giảm mạnh trong năm 2016. Theo OECD, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) toàn cầu trong nửa đầu năm 2016 giảm 5% (tuy vẫn cao hơn năm 2013 và 2014). Dòng vốn không ổn định đạt mức cao nhất 513 tỷ USD trong Quý I/2016 và giảm xuống 279 USD trong Quý II/2016.

FDI vào các nước G20 tăng 57%, trong đó FDI vào các nước phát triển là thành viên G20 tăng hơn 2 lần (chủ yếu là Mỹ), trong khi FDI vào các nước ngoài G20 giảm 28%. Những nước thu hút nhiều FDI nhất là Mỹ, Trung Quốc, Anh... FDI sụt giảm mạnh ở Nam Phi (giảm 45%), Bra-xin, Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a (giảm khoảng 20%). Mặc dù vẫn là một trong những nước thu hút nhiều FDI nhất, song FDI vào Trung Quốc đã giảm mạnh 37% trong nửa đầu năm 2016.

Thương mại toàn cầu năm 2016 tiếp tục trì trệ, dự báo chỉ tăng 1,7% trong năm 2016, mức thấp nhất từ sau cuộc khủng hoảng tài chính 2008-2009. Triển vọng thương mại toàn cầu năm 2017 rất bấp bênh, dự báo tăng trưởng từ 1,8-3,1%.

Các nguyên nhân chủ yếu làm thương mại đình trệ do:

- Suy giảm nhập khẩu ở châu Á, Nam Mỹ, Bắc Mỹ; tăng trưởng kinh tế và đầu tư giảm làm giảm động lực phát triển thương mại;
- Gia tăng chủ nghĩa dân túy, chống toàn cầu hóa và chủ nghĩa bảo hộ;
- Một số chuỗi giá trị toàn cầu suy giảm, nhất là ở khu vực Đông Á, do tác động của giảm tốc và tái cơ cấu kinh tế Trung Quốc.

Mặc dù đã đưa ra những cam kết mạnh mẽ tại các hội nghị thượng đỉnh, nhưng xu hướng bảo hộ ở các nước G20 vẫn tiếp tục tăng. Các biện pháp hạn chế thương mại này tác động đến 5% nhập khẩu toàn cầu và 6,5% nhập khẩu của các nước G20. Các mặt hàng chịu nhiều tác động nhất là thép, hóa chất, sản phẩm nhựa, cao su.